

# Unit 13 THE 22<sup>nd</sup> SEA GAMES

## TRỌNG TÂM

### 1. Kỹ năng ngôn ngữ

#### • **Đọc:**

- Đọc và cho nghĩa tiếng Việt tương ứng với từ/cụm từ mới.
- Đọc quét và hoàn thành câu dựa trên sự hiểu bài đọc về SEA Games lần thứ 22.
- Đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc.

#### • **Nói:**

- Thông qua các biểu tượng, nói tên các môn thể thao phổ biến ; môn thể thao ưa thích/ không thích và nêu lí do.
- Nói về kỉ lục thể thao của một số vận động viên tại SEA Games lần thứ 22.
- Báo cáo kết quả thi đấu của các môn thể thao đồng đội (bóng đá, bóng chuyền).

#### • **Nghe:**

- Nghe và trả lời câu hỏi về thành tích vô địch của vận động viên nhảy sào tại SEA Games lần thứ 22.
- Nghe và lựa chọn thông tin đúng/sai về nghề nghiệp tương lai của các cầu thủ bóng đá nữ Việt Nam sau SEA Games lần thứ 22.

#### • **Viết:**

- Viết mô tả cuộc thi đấu bóng đá hữu nghị của HS (có gợi ý).

### 2. Trọng tâm ngôn ngữ

- **Phát âm:** Đọc nối các từ với nhau: phụ âm + nguyên âm.
- **Ngữ pháp:** So sánh hơn của tính từ với hai cấu trúc: comparative + *and* + comparative, và *the* + comparative, *the* + comparative.

## ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Máy và băng cát xét.
- Tranh ảnh trong sách giáo khoa và các giáo cụ trực quan khác.

## A. READING

### Before you read

- Yêu cầu HS quan sát ảnh để liên hệ tới sự kiện thể thao quan trọng – SEA Games lần thứ 22 lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam.
- Theo cặp, HS hỏi và đoán câu trả lời về sự kiện thể thao tại SEA Games lần thứ 22.

### While you read

#### Task 1. (Trang 140)

- Yêu cầu HS tự cho nghĩa tiếng Việt tương đương với các từ/cụm từ mới. HS có thể đoán nghĩa của từ qua bài đọc hoặc tra từ điển.
- HS có thể đặt ví dụ với từ mới.
- Gọi một vài HS trả lời để kiểm tra và cho đáp án.

#### ĐÁP ÁN

- |                          |                     |
|--------------------------|---------------------|
| 1. người say mê thể thao | 4. thể dục thể hình |
| 2. đoàn kết              | 5. tinh thần cao    |
| 3. danh hiệu             | 6. đồng bào         |

#### Task 2. (Trang 140)

- Cho HS đọc thầm (đọc quét) và tìm thông tin để hoàn thành năm câu (1 – 5).
- HS so sánh kết quả thực hiện bài tập với bạn.
- Yêu cầu một số HS đọc to lại các câu đã hoàn chỉnh để kiểm tra và cho đáp án.

#### ĐÁP ÁN

1. *The 22<sup>nd</sup> SEA Games were held in Vietnam from the 5<sup>th</sup> to 13<sup>th</sup> December, 2003.*
2. *Thailand was ranked second with 90 golds.*
3. *Singapore and Vietnam had participants who were awarded the Most Outstanding Athlete titles in the Swimming and Shooting Events.*
4. *A plan has been proposed for Vietnam to host the Asia Sports Games at some point in the future.*

### Task 3. (Trang 140)

- Theo cặp, HS thực hành hỏi và trả lời về nội dung bài đọc.
- GV đi quanh nghe và giúp các cặp HS gặp khó khăn.
- GV gọi một vài cặp HS hỏi và trả lời trước lớp để kiểm tra kết quả.

### ĐÁP ÁN GỢI Ý

1. *It was solidarity, co-operation for peace and development.*
2. *444 gold medals were won at the SEA Games.*
3. *The Vietnamese Women's Football team successfully defended the SEA Games title.*
4. *The Thai Men's Football team won the gold medal.*
5. *It was because firstly, to prepare for the 22<sup>nd</sup> SEA Games, Vietnam carried out an intensive programme for its athletes, which included training in facilities, both home and abroad; secondly, with the strong support of their countrymen, the Vietnamese athletes competed in high spirits.*

### After you read

- Theo cặp, HS thảo luận và nêu tên một số vận động viên nổi tiếng của Việt Nam; nêu lí do và phẩm chất, tinh thần thể thao mà họ có.
- GV gọi một vài HS trình bày lại phần thảo luận trước lớp.

## B. SPEAKING

### Task 1. (Trang 141)

- HS quan sát 6 biểu tượng thể thao và nhớ lại những từ chỉ tên các môn thể thao đó.
- Yêu cầu HS thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến và viết từ chỉ tên gọi môn thể thao dưới mỗi biểu tượng (1– 6).
- GV có thể yêu cầu HS cho thêm một số từ chỉ các môn thể thao khác.
- Yêu cầu HS thảo luận theo cặp về môn thể thao ưa thích/ không thích và nêu lí do.
- GV gọi một vài HS để kiểm tra và cho đáp án.

## ĐÁP ÁN

- |                             |                               |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. <i>football (soccer)</i> | 4. <i>cycling</i>             |
| 2. <i>tennis</i>            | 5. <i>basketball</i>          |
| 3. <i>swimming</i>          | 6. <i>(running) athletics</i> |

### Task 2. (Trang 141)

- Yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bảng, luyện nói về kỉ lục thể thao của một số vận động viên tại SEA Games lần thứ 22.
- Cho HS tham khảo ví dụ mẫu trước khi thực hành. Lưu ý cách nói: *the* + từ chỉ quốc tịch, ví dụ: *the Thai* (người Thái Lan); và từ mới: *set* (xét; ván) trong thi đấu tennis, ví dụ: *winning 2 sets 6–2, 6–1* (thắng 2 xét 6–2, 6–1).
- GV gọi một vài HS trình bày lại phần bài tập đã thực hiện trước lớp, sửa lỗi và cho đáp án.

## ĐÁP ÁN GỢI Ý

- *Erni, the Indonesian, won the Women’s Marathon. She ran 42 kilometres in 2 hours 52 minutes 28 seconds.*
- *Amri, the Malaysian, won the Men’s Long Jump. He jumped 7.76 metres.*
- *Ruphai, the Thai, won the Women’s High Jump. She jumped 1.86 metres.*
- *Yurita, the Indonesian, won the Men’s Swimming. He swam 1500 metres in 13 minutes 19. 26 seconds.*
- *Maria, the Filipino, won the Women’s Cycling. She travelled 25 kilometres cross-country in 1 hour 29 minutes 35 seconds.*
- *Dannal, the Thai, won the Men’s Tennis (Singles). He defeated Febi, the Indonesian, winning two sets 6-2, 6-1.*

### Task 3. (Trang 142)

- Theo nhóm, HS luyện tập báo cáo kết quả thi đấu các môn thể thao đồng đội (bóng đá, bóng chày), dựa vào thông tin cho sẵn trong bảng điểm.
- HS đọc mẫu ví dụ một hoặc hai lần.

- GV lưu ý nghĩa của cụm từ *Third-place Playoff*: (trận đấu tranh giải 3 – huy chương đồng).

### ĐÁP ÁN GỢI Ý

- *Thailand and Malaysia played in the Women’s Football Third-Place Playoff. The Thai team won the bronze medal. The result (score) was 6 - 1.*
- *Thailand and Vietnam played in the Men’s Football Final. The Thai team won the gold medal. The result (score) was 2 - 1.*
- *Thailand and Vietnam played in the Women’s Volleyball Final. The Thai team won the gold medal. The result (score) was 3 - 0.*

## C. LISTENING

### Before you listen

- Theo cặp, HS thảo luận các câu hỏi, kết hợp nhìn ảnh để đoán biết môn nhảy sào (*pole vaulting*).
- HS tiếp tục thảo luận để đoán nghề nghiệp của các cầu thủ bóng đá nữ Việt Nam sau SEA Games lần thứ 22.
- Cho HS nghe và nhắc lại các từ; chú ý trọng âm và giải thích nghĩa của từ (nếu cần thiết).

### While you listen

#### Task 1. (Trang 143)

- HS nghe bài báo thứ nhất và trả lời câu hỏi về thành tích nhảy sào của vận động viên người Thái Lan.
- Lưu ý nghĩa từ mới: *clear (v) (nhảy qua)*, *break (v) (phá kỉ lục)*,..... Chỉ đưa ra câu trả lời ngắn. (không cần viết đầy đủ cả câu).
- Cho HS nghe một hoặc hai lần và trả lời câu hỏi.
- Yêu cầu HS đọc to câu trả lời.

## ĐÁP ÁN

1. one
2. Thailand
3. 4.8 m.
4. No, he didn't.

### Task 2. (Trang 143)

- Cho HS nghe bài báo thứ hai và lựa chọn thông tin Đúng/Sai về nghề nghiệp tương lai của các cầu thủ bóng đá nữ Việt Nam sau khi SEA Games lần thứ 22 kết thúc.
- Cho HS nghe một hoặc hai lần và trả lời câu hỏi.

## ĐÁP ÁN

|   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| T | F | T | T | F |

### After you listen

- Theo nhóm, yêu cầu HS thảo luận câu hỏi.
- GV có thể làm mẫu một lần, đi quanh lớp quan sát và giúp HS nếu cần.
- GV gọi đại diện vài nhóm HS trình bày lại kết quả thảo luận trước lớp. Yêu cầu HS nêu rõ lí do.

### Tapescript

The first newspaper article:

*Only Amnat won a gold in the Southeast Asian Games Pole Vaulting yesterday. Nobody else could clear the bar. While he was the only one who stood alone on the podium, Amnat was among the Thai athletes who won 10 gold medals in early events yesterday. He won the gold in the Pole Vaulting Final after clearing 4.80 m. Meanwhile four other pole-vaulters missed their attempts at the heights ranging from 4.40m to 4.80m. Amnat has proved a lonely winner in this event, but his points were still below the SEA Games record of 5.05 m.*

### The second newspaper article:

*The Vietnamese Milk Company (Vinamilk) has offered jobs to the 27 members of Vietnam's Women's Football Team after they won the Games' second title. Perhaps they are going to be milkmaids when they retire. It is not an odd proposal because the majority of the footballers will become unemployed when the Games are over. And they now have to struggle to make ends meet. Vinamilk has promised to train their new employees as soon as the deal is signed. The goalkeeper of Vietnam's Women's Football Team is dreaming to run a café after doctors have said her injuries would stop her from playing ever again. At the moment, she is short of money, so the Vinamilk offer looks tempting to her.*

## D. WRITING

### Task 1. (Trang 143)

- Theo cặp, HS thảo luận 10 câu hỏi để chuẩn bị viết mô tả trận bóng đá giữa trường mình và trường bạn.
- Yêu cầu HS xếp lại các câu hỏi theo đúng trật tự vào từng phần thích hợp.

### ĐÁP ÁN GỢI Ý

#### Introduction:

Why was the football match held?

What teams took part in the match?

When and where did the match take place?

#### Details of the match:

What was the weather like on that day?

How did each team play in the first half?/ second half?

What was the spectators' attitude?

Which team played better?

Who scored a goal?

#### Conclusion:

What was the result?

What did you think about the game?

### Task 2. (Trang 144)

- Theo cặp, HS hỏi và trả lời 10 câu hỏi để thu thập thông tin, chuẩn bị viết tả lại trận bóng đá được xem gần đây.
- Lưu ý: HS cần tham khảo phần *Useful Language*. GV có thể giải thích, gợi ý từ/cụm từ và cấu trúc có liên quan tới chủ đề, giúp HS chuẩn bị tư liệu đầy đủ trước khi thực hành viết.

### Task 3. (Trang 144)

- Theo cá nhân, HS viết để tả lại trận bóng đá hữu nghị giữa trường mình và trường bạn, dựa trên kết quả thảo luận của Tasks 1 và 2.
- GV yêu cầu HS trao đổi bài viết để chữa bài cho nhau.
- GV gọi đại diện một vài cặp/nhóm HS trình bày lại bài viết trước lớp, chữa lỗi và cho đáp án gợi ý.

### ĐÁP ÁN GỢI Ý

*To celebrate the Ho Chi Minh Communist Youth Union's Foundation Day, our School's Sports Club recently played a friendly football match with Tran Phu School's Football Team. The match was held on 25<sup>th</sup> of March, at 3 p.m. on our school's playground.*

*The match took place in beautiful weather. Our preliminary practice had been very good. In the first half, almost from the beginning we kept the ball away from our goal, and as near as our opponents' as possible. By a combination of passing and dribbling and a final shot, the opponents made a goal against us. The play was so fine that all our schoolboys jumped up and cheered Tran Phu School side. In the second half, we played with great determination. Our defender Hung took the ball and passed it very skillfully to our striker Khai who gave a fine kick into the goal. The entire spectators stood up cheering. So it was one against one. The game became tense because both teams tried to win. Towards the end of the game, our captain Hoan took the ball near the opponents' goal, and he suddenly gave a shot straight into the goal. The shot was so tense that the opponent side's goalkeeper couldn't save the shot struck at close range. The goal was scored 3 minutes before the game ended.*

*Finally, our School's Sport Club won 2-1. When the game was over, all of us were happy. I felt proud of my schoolboys – They are young, but very promising players.*



## E. LANGUAGE FOCUS

### Pronunciation: Linking

- **Practise reading these sentences.**

+ Yêu cầu HS đọc nối các từ với nhau.

+ Lưu ý cách nối âm giữa phụ âm cuối của từ trước với nguyên âm đầu của từ sau. Ví dụ: *look-at; quite-old...*

+ GV đọc mẫu một hoặc hai lần.

+ HS thực hành đọc theo cặp hay theo nhóm.

### Grammar: double comparison

#### Exercise 1. (Trang 146)

+ Theo cặp hoặc theo cá nhân, yêu cầu HS ghép câu có sử dụng so sánh hơn của tính từ với cấu trúc: comparative + *and* + comparative.

+ Cho HS tham khảo ví dụ mẫu (câu 1) trước khi thực hiện bài tập.

#### ĐÁP ÁN

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| e | a | b | d | g | f |

#### Exercise 2. (Trang 146)

+ Theo cặp hoặc theo cá nhân, yêu cầu HS hoàn thành câu sử dụng so sánh hơn của tính từ với cấu trúc: comparative + *and* + comparative.

+ Cho HS tham khảo ví dụ mẫu. Lưu ý sự khác nhau của *tính từ ngắn* và *tính từ dài* trong so sánh hơn.

#### ĐÁP ÁN

1. *His visit to New York seemed to get shorter and shorter because he was very busy at work.*
2. *Eating and travelling in this city is becoming more and more expensive.*

3. *As the day went on, the weather got worse and worse.*
4. *We had to stop the discussion because the question was becoming more and more complicated.*
5. *Your English is OK now, your pronunciation has got better and better.*
6. *Little John is becoming more and more active.*
7. *As it was getting dark, it was becoming more and more difficult to see everything in the house without electricity.*
8. *I feel happy as my birthday is coming closer and closer.*

**Exercise 3.** (Trang 147)

- + Yêu cầu HS hoàn thành câu sử dụng so sánh hơn của tính từ với cấu trúc: *the + comparative, the + comparative.*
- + Cho HS tham khảo ví dụ mẫu trước khi luyện tập theo cặp hoặc theo cá nhân.

**ĐÁP ÁN**

1. *The warmer the weather, the better I feel.*
2. *The more you practise your English, the faster you will learn.*
3. *The longer he waited, the more impatient he became.*
4. *The more electricity you use, the higher your bill will be.*
5. *The more expensive the hotel, the better the service.*
6. *The more I got to know him, the more I liked him.*
7. *The more you have, the more you want.*